

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2025

"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

2. Ông Nguyễn Văn Bàng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị B, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Thành G, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp K, xã Đ, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lâm Thị B trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Phạm Thành G chung sống với nhau ngày 26 tháng 11 năm 1994 đến nay không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã nơi anh chị cư trú, thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên: Phạm Hữu C, sinh ngày 19 tháng 12 năm 1995 và Phạm Thị Ánh H, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1998, hiện nay đã thành niên. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Phạm Thành G không

có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống anh Phạm Thành G thường xuyên bất hòa cự cãi sống không hạnh phúc, bỏ mặt, không quan tâm đến chị, từ đó chị và anh Phạm Thành G sống ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Phạm Thành G không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thành G. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị cam kết không yêu cầu giải quyết và anh Phạm Thành G không tham gia giải quyết, chị yêu cầu sớm đưa vụ án ra xét xử, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án ngày 26 tháng 6 năm 2025, bị đơn anh Phạm Thành G trình bày như sau:*

Chị Lâm Thị B chung sống với anh, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và ly thân với anh từ tháng 10 năm 2022 đến nay, chị Lâm Thị B yêu cầu được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Lâm Thị B. Anh làm nghề bán mì, gia đình đơn chiếc, anh không tham gia giải quyết được và cũng không yêu cầu giải quyết gì khác, anh gửi đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

** Tại Biên bản xác minh ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang) về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Anh Phạm Thành G và chị Lâm Thị B xác lập hôn nhân và sinh sống tại ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp K, xã Đ, tỉnh An Giang), trong quá trình anh chị chung sống anh Phạm Thành G hay chơi bời không lo làm ăn kinh tế gia đình, anh chị có 02 người con chung sinh năm 1995 và sinh năm 1998.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: 02 Căn cước công dân tên Lâm Thị B và Phạm Thành G (Bản sao); Đơn xin xác nhận chưa đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 6 năm 2024 của chị Lâm Thị B (Bản chính); Giấy khai sinh tên Phạm Hữu C, sinh ngày 19 tháng 12 năm 1995 (Bản sao); Trích lục khai sinh Phạm Thị Ánh H, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1998 (Bản sao); Xác nhận thông tin về cư trú theo đề nghị của chị Lâm Thị B số: 000356/XN không ghi ngày tháng năm của Công an xã Đ (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang, bản chính).*

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Lâm Thị B yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thành G. Về quan hệ con chung, chị Lâm Thị B tự xác định có 02 người con chung hiện

nay đã thành niên, khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, anh cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Phạm Thành G gửi đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Thành G gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Lâm Thị B yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thành G nhưng anh chị chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay không có đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị B và anh Phạm Thành G là vợ chồng. Về quan hệ con chung, anh chị có 02 người con chung hiện nay đã thành niên, khi ly hôn anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Lâm Thị B tự xác định, anh chị không có tài sản chung và không có nợ, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lâm Thị B yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Phạm Thành G. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp K, xã Đ, tỉnh An Giang) nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Thành G biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Lâm Thị B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh, nhưng anh Phạm Thành G không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Phạm Thành G gửi đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án. Như vậy, đây

thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tại phiên tòa chị Lâm Thị B không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Thành G theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Lâm Thị B và anh Phạm Thành G chung sống với nhau vào ngày 26 tháng 11 năm 1994 đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi anh chị cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2000 và năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lâm Thị B yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thành G thì anh Phạm Thành G đồng ý và gửi đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn nên không thể ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh chị. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị B và anh Phạm Thành G là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Lâm Thị B và anh Phạm Thành G có 02 người con chung tên: Phạm Hữu C, sinh ngày 19 tháng 12 năm 1995 và Phạm Thị Ánh H, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1998, hiện nay đã thành niên. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Lâm Thị B tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị B và anh Phạm Thành G là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Chị Lâm Thị B và anh Phạm Thành G có 02 người con chung tên: Phạm Hữu C, sinh ngày 19 tháng 12 năm 1995 và Phạm Thị Ánh H, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1998, hiện nay đã thành niên. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị Lâm Thị B tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc chị Lâm Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0011981 ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang). Chị Lâm Thị B đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/7/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo